

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 - 2025**

Thực hiện thông tư 09/2024/TT-BGĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học số 1 Mường Mươn xây dựng báo cáo thường niên về kết quả tuyển sinh và kết quả giáo dục năm 2024-2025, cụ thể như sau:

1. Thông tin chung

Thông tin	Chi tiết
Thông tin	Chi tiết
Tên cơ sở giáo dục	Trường Tiểu học số 1 Mường Mươn
Địa chỉ	Bản Mường Mươn 2, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên
Điện thoại	0972.241.198
Email	Thso1muongmuon.muongcha@dienbien.edu.vn
Cổng thông tin điện tử	https://thso1muongmuon.muongcha.

1. Kết quả tuyển sinh, tổng số HS theo từng khối lớp

Năm học 2024-2025 nhà trường tuyển sinh được 76/76 em đạt 100% vào lớp 1 với phương thức tuyển sinh là xét tuyển.

Trường có tổng số 391 học sinh. Tỷ lệ 21,7 HS/lớp. Số lớp số học sinh học 2 buổi/ngày là 18 lớp, 391 HS = 100%.

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Con hộ nghèo	Mồ côi
1	5	76	35	73	55	2
2	4	85	42	83	65	1
3	3	82	41	80	67	1
4	3	66	31	64	65	2

5	3	82	41	80	62	3
Tổng	18	391	145	385	298	9

3. Kết quả thực hiện chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025

3.1. Kết quả xếp loại năng lực:

* Xếp loại năng lực

+ Năng lực chung

Khối	TSHS	Tự chủ tự học			Giao tiếp và hợp tác			Giải quyết vấn đề và sáng tạo		
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG
1	76	45	31	0	45	31	0	45	31	0
2	85	49	36	0	47	38	0	47	38	0
3	82	48	34	0	46	36	0	46	36	0
4	66	38	28	0	38	28	0	40	26	0
5	82	44	38	0	44	38	0	43	39	0
Tổng	391	224	167	0	221	170	0	221	170	0

+ Năng lực đặc thù

Khối	TSHS	Ngôn ngữ			Tính toán			Tin học		
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG
1	76	46	30	0	44	32	0			
2	85	49	36	0	46	39	0			
3	82	45	37	0	46	36	0	44	38	0
4	66	41	25	0	39	27	0	39	27	0
5	82	43	39	0	43	39	0	45	37	0
Tổng	391	224	167	0	218	173	0	128	102	0

Khối	TSHS	Công nghệ			Khoa học			Thẩm mĩ			Thể chất		
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG

1	76				45	31	0	46	30	0	46	30	0
2	85				49	36	0	52	33	0	50	35	0
3	82	45	37	0	45	37	0	47	35	0	48	34	0
4	66	38	28	0	38	28	0	39	27	0	43	23	0
5	82	43	39	0	45	37	0	45	37	0	44	38	0
Tổng	391	126	104	0	222	169	0	229	162	0	231	160	0

• **Xếp loại Phẩm chất**

TT	Phẩm chất	TSHS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Yêu nước	391	253	64,7	138	35,3	0	0
2	Nhân ái	391	224	57,2	167	42,8	0	0
3	Chăm chỉ	391	244	62,4	147	37,6	0	0
4	Trung thực	391	237	60,6	154	39,4	0	0
5	Trách nhiệm	391	233	60	158	40	0	0

3.3. Kết quả đánh giá các môn học và HĐGD

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
Tổng số học sinh		76		85		82		66		82		391	
Môn học	Mức độ đạt	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ
Tiếng Việt	HTT	26	47.3	28	45.9	30	46.2	26	43.3	28	46.7	138	45.8
	HT	29	52.7	32	52.5	32	49.2	33	55.0	32	53.3	158	52.5
	CHT	0	0.0	1	1.6	3	4.6	1	1.7	0	0.0	5	1.7
Toán	HTT	27	49.1	28	45.9	32	49.2	27	45.0	28	46.7	142	47.2
	HT	28	50.9	32	52.5	30	46.2	33	55.0	32	53.3	155	51.5
	CHT	0	0.0	1	1.6	3	4.6	0	0.0	0	0.0	4	1.3
Ngoại ngữ	HTT				0.0	31	47.7	26	43.3	27	45.0	84	45.4
	HT				0.0	31	47.7	34	56.7	33	55.0	98	53.0
	CHT				0.0	3	4.6	0	0.0	0	0.0	3	1.6
Đạo đức	HTT	28	50.9	30	49.2	37	56.9	28	46.7	29	48.3	152	50.5
	HT	27	49.1	31	50.8	28	43.1	32	53.3	31	51.7	149	49.5
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
TN&XH	HTT	28	50.9	30	49.2	36	55.4					94	51.9

	HT	27	49.1	31	50.8	29	44.6					87	48.1
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0					0	0.0
LS và Địa lý	HTT	0						30	50.0	28	46.7	58	48.3
	HT	0						30	50.0	32	53.3	62	51.7
	CHT	0						0	0.0	0	0.0	0	0.0
Khoa học	HTT	0						29	48.3	27	45.0	56	46.7
	HT	0						31	51.7	33	55.0	64	53.3
	CHT	0						0	0.0	0	0.0	0	0.0
Tin học	HTT	0				34	52.3	26	43.3	27	45.0	87	47.0
	HT	0				28	43.1	34	56.7	33	55.0	95	51.4
	CHT	0				3	4.6	0	0.0	0	0.0	3	1.6
Công nghệ	HTT	0				34	52.3	26	43.3	28	46.7	88	47.6
	HT	0				29	44.6	34	56.7	32	53.3	95	51.4
	CHT	0				2	3.1	0	0.0	0	0.0	2	1.1
GDTC	HTT	29	52.7	35	57.4	36	55.4	30	50.0	31	51.7	161	53.5
	HT	26	47.3	26	42.6	29	44.6	30	50.0	29	48.3	140	46.5
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Nghệ thuật	Âm nhạc	26	47.3	29	47.5	35	53.8	26	43.3	29	48.3	145	48.2
		29	52.7	32	52.5	30	46.2	34	56.7	31	51.7	156	51.8
		0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
	Mĩ thuật	27	49.1	31	50.8	35	53.8	28	46.7	30	50.0	151	50.2
		28	50.9	30	49.2	30	46.2	32	53.3	30	50.0	150	49.8
		0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
HĐTN	HTT	29	52.7	30	49.2	36	55.4	26	43.3	27	45.0	148	49.2
	HT	26	47.3	31	50.8	29	44.6	34	56.7	33	55.0	153	50.8
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0

Kết quả xếp loại cuối năm học:

- Hoàn thành xuất sắc: 82/391 đạt 20,1%
- Hoàn thành tốt: 130/391 đạt 33,2%;
- Hoàn thành : 179/391 đạt 46,7%
- Chưa hoàn thành: 0 em

- Hoàn thành chương trình Tiểu học 82/82 ; Chuyển lớp 391/391 học sinh.

Trên đây là báo cáo thường niên về kết quả và tuyển sinh và kết quả giáo dục năm học 2024-2025 của trường Tiểu học số 1 Mường Mươn.

Nơi nhận:

- Hội đồng giáo dục xã;
- Trang thông tin nhà trường;
- Trang công khai;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Ngân